

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/ HNGĐ- ST

Ngày 29/8/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Minh Hải

Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Việt – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh ngày 20/8/2001. Số CCCD: 030301009240, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC cấp ngày 14/3/2025.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường C, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/6/2001. Số CCCD: 030201010425, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC cấp ngày 22/12/2021.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, phường C, thành phố Hải Phòng;

Nơi ở hiện nay: Thành phố Đ- Đà Loan.

Chị T, anh Q đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị T và anh Q kết hôn ngày 19 tháng 5 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N(nay là UBND phường C, thành phố Hải Phòng). Khi đó, chị T và anh Q cùng 21 tuổi và làm nghề tự do. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh Q. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2024, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, anh Q phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Chị T ở nhà sinh sống cùng bố mẹ anh Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, chăm sóc con cái. Mỗi lần không hài lòng về chị, mẹ đẻ anh Q lại quay video chuyển cho anh Q xem khiến chị rất áp lực. Mâu thuẫn vợ chồng vì thế ngày càng nhiều lên và không hòa giải được. Đến tháng 3 năm 2025, anh Q hết hạn hợp đồng về nước, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Vì anh Q muốn tiếp tục đi xuất khẩu lao động, chị T không đồng ý. Hai bên đã xảy ra cãi cọ, tranh luận, chị T đã bỏ về nhà ngoại sinh sống. Từ đó, hai bên không còn liên lạc gì với nhau. Thời gian gần đây, chị T và anh Q liên lạc chủ yếu nói chuyện ly hôn, không có ý định quay về sinh sống cùng nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 10/8/2022, hiện đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 5.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị về việc xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Văn Q có chứng thực của Văn phòng K tại Đ thể hiện: Anh Q và chị T quen biết, yêu thương và tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2025 tại UBND xã N, thành phố C, tỉnh Hải Dương(nay là UBND phường C, thành phố Hải Phòng). Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh Q. Vợ chồng chỉ sinh sống thời gian ngắn thì đến tháng 10 năm 2022 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tìm hiểu nhau không kỹ, không hòa hợp về tình cảm, làm ăn kinh tế, thường xảy ra cãi cọ, xung đột. Anh Q có đi xuất khẩu lao động từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 3 năm 2025 thì hết hạn hợp đồng về nước nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng căng thẳng. Do anh chị không bàn tính được công việc, cuộc sống. Chị T không muốn sống theo sự sắp xếp của

anh mà chỉ sống theo ý mình. Vì thế, anh chị không tìm được tiếng nói chung, không thống nhất nơi ở, kinh tế gia đình. Dần dần, anh chị không còn trò chuyện với nhau nữa, nếu có chỉ nói chuyện ly hôn. Sau đó, anh tiếp tục gia hạn hợp đồng và đi lao động tại Đài Loan. Hiện tại, bản thân anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên chị T xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/8/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị T là 5.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác.

Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai Đ- mẹ đẻ anh Q, bà Đ1- mẹ đẻ chị T thể hiện: Quá trình chị T và anh Q sinh sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong sinh hoạt hằng ngày, chăm sóc con cái và làm ăn kinh tế. Giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, tranh luận về việc anh Q muốn tiếp tục đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Chị T không nghe nên đưa con về ngoại sinh sống từ đó. Nay chị T xin ly hôn anh Q, quan điểm của hai gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/8/2022. Nếu anh chị ly hôn, đề nghị giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện tại anh Q không có ở nhà. Gia đình bà Đ1 sẽ tiếp tục hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh Q đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/8/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 5.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác, phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Hà Thị

T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ nộp 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hà Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường C, thành phố Hải Phòng và hiện đang ở thành phố Đ- Đài Loan. Căn cứ theo quy định tại Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

Chị T, anh Q đều được triệu tập hợp lệ, đều vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị T, anh Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về tính cách, làm ăn kinh tế, sinh hoạt hằng ngày, chăm sóc con cái và đối xử gia đình hai bên. Kể từ tháng 3 năm 2025, anh chị không còn liên lạc và chung sống cùng nhau. Bản thân hai anh chị đều không còn tình cảm vợ chồng và không mong muốn về đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, bỏ mặc, không còn quan tâm gì đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận chị T ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/8/2022. Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Hiện nay cháu T2 còn nhỏ, thường xuyên sinh sống cùng chị T. Anh Q đi lao động xa nhà. Việc tiếp tục giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vẫn tiếp tục đảm bảo điều kiện sinh sống, phát triển của cháu, phù hợp với thỏa thuận và điều kiện hoàn cảnh thực tế của anh chị. Về mức cấp dưỡng: Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị T là 5.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Xét thỏa thuận của

anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị Hà Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Q phải chịu án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 238, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/8/2022 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T là 5.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T yêu cầu thi hành án, nếu anh Q chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Hà Thị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001717 ngày 14/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự thành phố Hải

Phòng. Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9- Hải Phòng;
- UBND phường Chí Linh, thành phố Hải Phòng)(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Phòng THADS khu vực 9- Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương